

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng : Công ty Cổ phần xăng dầu chất đốt Hà Nội

Năm báo cáo 2010

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng

+ Việc thành lập: Công ty CP xăng dầu chất đốt HN được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định 1533/QĐ- UB ngày 29/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước công ty Xăng dầu chất đốt Hà Nội thành công ty cổ phần xăng dầu chất đốt Hà Nội. Tháng 10 năm 2006 công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần với 275 cổ đông và tổng vốn điều lệ là 21 tỷ đồng.

+ Niêm yết : Ngày 01/3/2010 đã chính thức niêm yết tại sàn Up com

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh : Xăng, dầu Diezel, dầu lửa, dầu mỡ bôi trơn và công nghiệp, gas, than và hàng công nghiệp tiêu dùng, cho thuê địa điểm làm việc bằng tài sản của mình.

+ Tình hình hoạt động:

- Duy trì và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu và các trạm cấp nhiên liệu cho các xí nghiệp trung tâm vận tải hành khách thuộc công ty mẹ.
- Triển khai hợp thức đất đai ở những địa điểm được giao và lập các dự án chuyển đổi mục đích kinh doanh tại các địa điểm không được kinh doanh xăng dầu

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2011

a/ Kinh doanh

- Tổng doanh thu : 781,78 tỷ
- Lợi nhuận trước thuế : 8,749 tỷ
- Tỷ lệ chia cổ tức: 18% trên vốn điều lệ

b/ Dự án:

- Hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào kinh doanh khai thác hai địa điểm dự án là số 1 Thi Sách, và số 7 Dã Tượng
- Đối với các dự án còn lại: 233 Khâm Thiên, 17 Hồng Mai, số 1 Đông Tác, 249 Thụy Khuê, 189 Tây Sơn. Phần đầu hoàn thành được UBND Thành phố HN có quyết định cho thuê đất 50 năm

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đầu tư thực hiện dự án xây dựng văn phòng cho thuê tại 7 địa điểm chuyển đổi mục đích kinh doanh.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch c.ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010:

- Doanh thu : 719,153 tỷ Đạt 108.33 % Kế hoạch

Trong đó các mặt hàng chủ yếu :

Xăng các loại : 30163m³ đạt 103,37% Kế hoạch

Dầu Dezel : 18886 m³ đạt 93,22% Kế hoạch

Dầu lửa: 364 m³ đạt 30,85% Kế hoạch

- Tổng lợi nhuận trước thuế : 10,005 tỷ đạt 114,59% Kế hoạch

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ : 37,76%

- Chia cổ tức năm 2010 : 19%

- Thu nhập bình quân người lao động ; 4,5 triệu đồng / tháng/ người.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản : 16,82%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu Thuần : 1,10%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn VCSH : 20,86%

- Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện hành: 4,89 lần

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn : 3,56 lần

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo : 47 140 tỷ

- Những thay đổi về vốn cổ đông :

Tính đến 31/12/2010 công ty có 161 cổ đông sở hữu 2 100 000 cổ phiếu đang lưu hành (100% là cổ phiếu phổ thông)

Trong đó :

Cổ phiếu nhà nước nắm giữ : 51,3%

Cổ phiếu do các tổ chức thuộc vốn nhà nước: 15%

Cổ phiếu do nhà đầu tư nước ngoài : 12%

Cổ phiếu của các cổ đông nhỏ :21.7%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Tổng giá trị tài sản	32 697 446 934	48 801 814 139	47 139 774 132
2	Doanh thu thuần	633 682 762 457	580 198 340 809	719 152 994 931
3	Giá vốn hàng bán	617 256 312 656	555 837 109 824	693 372 895 551
4	LN từ hoạt động K/doanh	6 031 292 216	11 243 091 474	9 871 048 978
5	Lợi nhuận khác	18 897 170	347 255 361	134 317 699
6	Lợi nhuận trước thuế	6 050 189 386	11 590 346 835	10 005 366 677
7	Lợi nhuận sau thuế	5 971 880 235	10 642 865 526	8 825 257 635
8	Tỷ lệ LNST/VCSH	21.61%	30.41%	27,94%

IV. Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Biểu số 1

TÀI SẢN	ĐVT	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
A. Tài sản ngắn hạn	Đồng	38 812 956 758	35,203,711,622
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2 768 212 228	4,467,999,141
1. Tiền	Đồng	2 768 212 228	4,467,999,141
2. Các khoản tương đương tiền	Đồng	0	0
II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		0	0
1. Đầu tư ngắn hạn		0	0
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		0	0
III. Các khoản phải thu		25 291 787 513	23,864,904,570
1. Phải thu thu khách hàng	Đồng	22 583 823 793	21,600,709,804
2. Trả trước cho người bán	Đồng	2 684 596 230	2,249,203,691
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	Đồng	0	0
4. Phải thu theo tiến độ KHHĐxd		0	0
5. Phải thu khác		23 367 490	14,991,075
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		0	0
IV Hàng tồn kho		4 739 957 017	6,840,183,607
1. Hàng tồn kho		4 739 957 017	6,840,183,607
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác		13 000 000	30,624,304
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		13 000 000	30,624,304
2. Thuế GTGT đọc khấu trừ		0	0
3. Thuế và các khoản phải thu nn		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác		0	0
Tài sản thiếu chờ xử lý		0	0
Tạm ứng		0	0
Cầm cố, ký cược, ký quỹ dài hạn			0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	ĐỒNG	14 326 817 374	13,598,102,517
I. Các khoản phải thu dài hạn	Đồng		0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng			0
2. Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc			0
3. Phải thu nội bộ			0
4. Phải thu dài hạn khác			0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			0
II. Tài sản cố định	Đồng	12 443 567 678	11 521 418 618
1. Tài sản cố định hữu hình		1 624 721 268	1,801,998,225
<i>Nguyên giá</i>		6 784 172 499	6,441,355,909
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		- 5 159 451 231	-4,639,357,684

2.Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
<i>Nguyên giá</i>		0	0
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		0	0
3.Tài sản cố định vô hình		8 437 205 000	8,601,696,000
<i>Nguyên giá</i>		8 975 572 591	8,960,125,760
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		- 538 367 591	-358,429,760
4.Chi phí xây dựng dở dang	Đồng	2 381 641 410	1,117,724,393
III. Bất động sản đầu tư	Đồng	1 761 677 021	1,902,917,423
<i>Nguyên giá</i>		3 135 175 910	3,135,175,910
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	Đồng	- 1 373 498 889	-1,232,258,487
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		0	0
1.Đầu t vào công ty con		0	0
2.Đầu t vào cty liên kết, liên doanh		0	0
3.Đầu t dài hạn khác		0	0
4.Dự phòng giảm giá đầu t tài chính dài hạn		0	0
V.Tài sản dài hạn khác	Đồng	121 572 675	173,766,476
1. Chi phí trả trước dài hạn		98 252 675	143,246,476
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		0	0
3.Tài sản dài hạn khác		23 320 000	30,520,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	ĐỒNG	47 139 774 132	48,801,814,139
NGUỒN VỐN		SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A/Nợ phải trả	Đồng	9 125 645 921	13,808,929,835
I.Nợ ngắn hạn	Đồng	8 712 217 225	13,359,490,639
1.Vay và nợ ngắn hạn		0	5,590,000,000
2.Phải trả người bán		244 140 474	244,631,015
3.Người mua trả tiền trước		211 626 230	31,326,370
4.Thuế và các khoản nộp n/ nóc		878 447 520	1,120,769,164
5.Phải trả người lao động		1 906 854 653	2,829,629,625
6.Chi phí phải trả		70 000 000	159,687,026
7. Phải trả nội bộ		0	0
8.Phải trả theo tiến độKHHĐXD		0	0
9.Các khoản phải trả,phải nộp ngắn hạn khác		5 401 148 348	3,383,447,439
10.Dự phòng phải ngắn hạn khác		0	0
II.Nợ dài hạn		413 428 696	449,439,196
1. phải trả dài hạn người bán		0	0
2. phải trả dài hạn nội bộ		0	0
3. Phải trả dài hạn khác		128 010 500	156,000,000
4. Vay và nợ dài hạn		0	0
5.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		0	0
6.Dự phòng trợ cấp MVL		285 418 196	293,439,196
7.Dự phòng phải trả dài hạn		0	0

B. Vốn chủ sở hữu	Đồng	38 014 128 211	34,992,884,304
I Vốn chủ sở hữu		37 506 664 347	34 822 650 276
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	21 000 000 000	21,000,000,000
2. Thặng dư cổ phần			
3.Vốn khác của chủ sở hữu			
4.Cổ phiếu quỹ			
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
7. Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	5 645 019 623	3,083,284,641
8.Quỹ dự phòng tài chính	Đồng	1 451 731 272	649,604,436
9.Quỹ khác thuộc vốn CSH	Đồng	0	0
10.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	9 409 913 452	10,089,761,199
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng dở dang	Đồng	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		507 463 864	170,234,028
1. Quỹ khen thưởng , phúc lợi	Đồng	507 463 864	170,234,028
2.Nguồn kinh phí	Đồng		
3.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
Tổng cộng nguồn vốn	Đồng	47 139 774 132	48,801,814,139

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Biểu 2

CHỈ TIÊU	ĐVT	KỲ NÀY	KỲ TRƯỚC
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng, ccấp dịch vụ	Đồng	719 152 994 931	580,198,340,809
2. Các khoản giảm trừ	Đồng	0	0
3. Doanh thu thuần BH và CC dịch vụ	Đồng	719 152 994 931	580,198,340,809
4. Giá vốn bán hàng	Đồng	693 372 895 551	555,837,109,824
5. Lợi nhuận gộp BH và Ccấp dịch vụ	Đồng	25 780 099 380	24,361,230,985
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	93 371 031	2,523,075,909
7. Chi phí tài chính	Đồng	746 464 747	202,922,778
<i>Trong đó : Trả lãi tiền vay</i>	Đồng	<i>746 464 747</i>	<i>202,922,778</i>
8. Chi phí bán hàng	Đồng	10 780 051 514	10,962,847,990
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	4 475 905 172	4,475,444,652
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	Đồng	9 871 048 978	11,243,091,474
11. Thu nhập khác	Đồng	137 884 972	357,991,856
12. Chi phí khác	Đồng	3 567 273	10,736,495
13. Lợi nhuận khác	Đồng	134 317 699	347,255,361
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	10 005 366 677	11,590,346,835
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Đồng	1 180 109 042	947,481,309
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Đồng	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	8 825 257 635	10,642,865,526
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4 203	5,068

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

	CHỈ TIÊU	NĂM 2010	NĂM 2009
I	Lu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
	1.Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	726 221 712 445	624,867,831,281
	2.Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	(760 017 620 125)	(612,462,753,240)
	3.Tiền chi trả cho người lao động	(11 151 469 653)	(9,876,048,621)
	4.Tiền chi trả lãi vay	(746 464 747)	(202,922,778)
	5.Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(1 497 890 069)	(78,309,151)
	6.Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	2 094 465 521	1,856,485,225
	7.Tiền chi cho hoạt động kinh doanh	(6 873 637 070)	(14,160,376,228)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	8 029 096 302	(10,056,093,512)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
	1.Tiền chi để mua sắm, Xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1 262 678 364)	(616,382,321)
	2.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	93 371 031	250,822,643
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	(1 169 307 333)	(365,559,678)
III	Lu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
	1.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	36 240 000 000	29,740,000,000
	2.Tiền chi trả nợ gốc vay	(41 830 000 000)	(24,150,000,000)
	3.Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả cho chủ sở hữu	(2 969 575 882)	(1,913,923,416)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	(8 559 575 882)	3,676,076,584
	LƯU chuyển tiền thuần trong kỳ	(1 699 786 913)	(6,745,576,606)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4 467 999 141	11,213,575,747
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2 768 212 228	4,467,999,141

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV

Phan thanh Nam
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)

Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2011

2. Kiểm toán nội bộ : Không

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : Không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : Không
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan : Không
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan : không

VII. Tổ chức và nhân sự

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc điều hành:

Ban Giám đốc điều hành do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và các nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Giám đốc là Phó giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Các Phòng nghiệp vụ và chức năng nhiệm vụ:

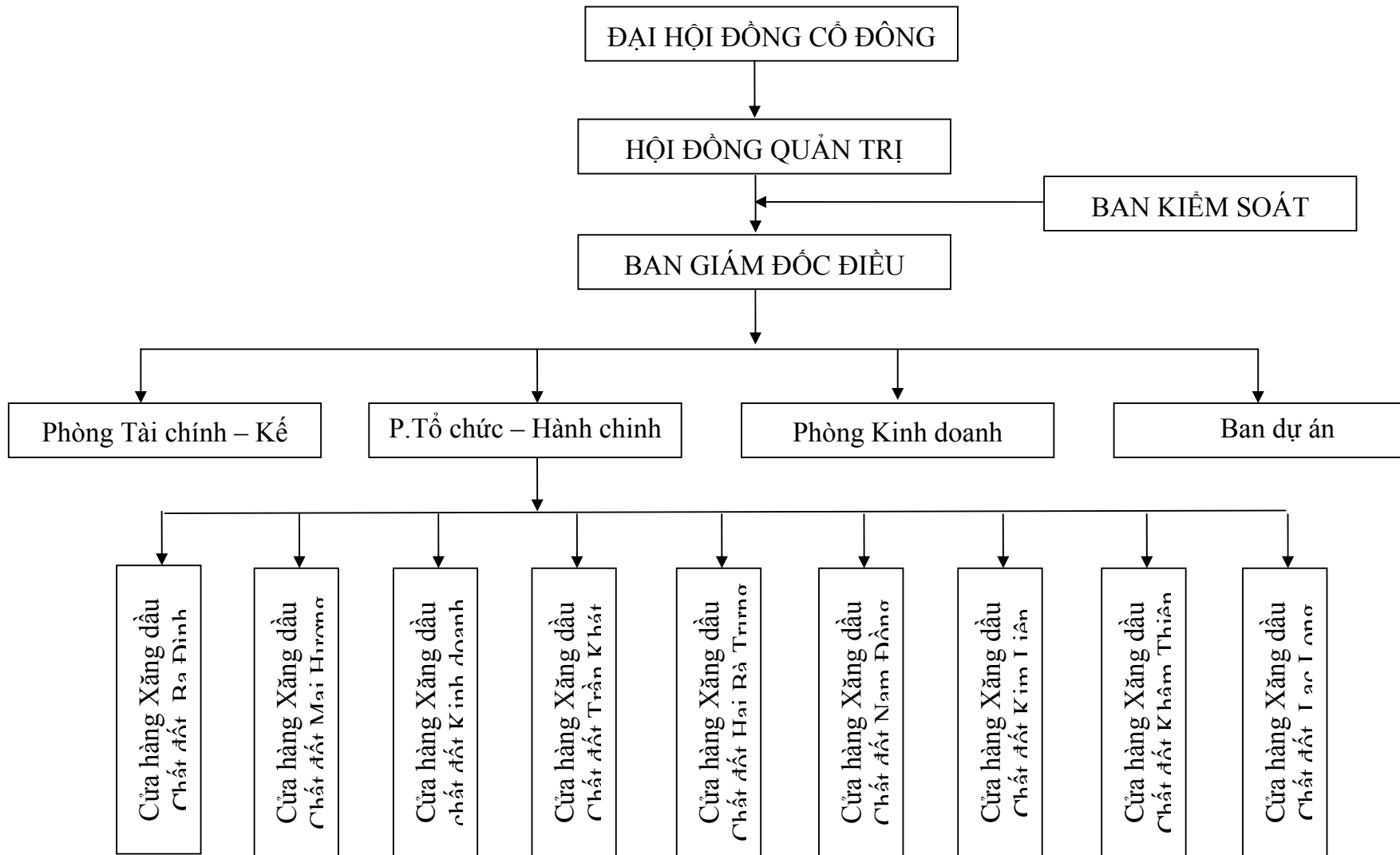
1. Phòng Tổ chức Hành chính: tham mưu và tổ chức thực hiện nhất quán trong toàn Công ty về các chính sách, chế độ, bảo trợ xã hội và công tác hành chính quản trị của Công ty; tham mưu cho HĐQT và Ban GD về nhân sự, tuyển dụng, đào tạo cho Công ty; soạn thảo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Phòng Tài chính Kế toán: thực hiện đúng các chế độ về hạch toán kế toán, thống kê và các chức năng khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm thu chi, theo dõi, thu hồi công nợ, thanh toán và báo cáo, phân tích tài chính định kỳ của Công ty; tham mưu xây dựng dự án, phương thức đầu tư và đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động theo định hướng phát triển của nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc HĐQT Công ty.

3. Phòng kinh doanh: Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, điều độ kinh doanh, thu thập, xử lý thông tin về kinh tế, thị trường, khách hàng và tham mưu xây dựng, quảng bá, phát triển thương hiệu Công ty đồng thời tích cực tìm kiếm khách hàng, đơn hàng và tổ chức thực hiện; phối hợp với phòng Kế toán- Tài chính trong việc thu hồi và giải quyết công nợ khách hàng; hướng dẫn quản lý nghiệp vụ kinh doanh trong toàn Công ty.

4. Ban dự án: tham mưu cho giám đốc về quản lý và phát triển mạng lưới, quản lý sử dụng đất, các dự án đầu tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

9 Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Ngọc Thương

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Thương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/9/1957
- CMTND: 012345390
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 405 – B15 Tập thể Kim Liên, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Quốc dân
- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 639.855 cổ phần, trong đó:
 - Số sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 639.855 cổ phần
- Những người có liên quan: Không

Ủy viên Hội đồng Quản trị - Ông Trần Đắc Xuân

- Họ và tên: Trần Đắc Xuân
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/10/1962
- CMTND: 011861664
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 55/111 Cù Chính Lan, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn : Đại học Giao thông vận tải
- Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 315.000, trong đó:
 - Số sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 315.000 cổ phần
- Những người có liên quan: Công ty Xăng dầu Khu vực I (hiện nay Ông Trần Đắc Xuân là Giám đốc Công ty Xăng dầu Khu vực I)

Ủy viên Hội đồng Quản trị - Ông Nguyễn Thành Thiên

- Họ và tên: Nguyễn Thành Thiên
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/9/1945
- CMTND: 010025719
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 26 Nguyễn Quyền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn : Đại học Thương Mại
- Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.200 cổ phần , trong đó:
 - Số sở hữu cá nhân: 4.200 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

▪ Những người có liên quan: Không

Ủy viên Hội đồng Quản trị - Ông Lê Văn Vĩnh

▪ Họ và tên: Lê Văn Vĩnh

▪ Giới tính: Nam

▪ Ngày sinh: 10/8/1952

▪ CMTND: 010595980

▪ Quốc tịch: Việt Nam

▪ Dân tộc: Kinh

▪ Địa chỉ thường trú: Số 22 ngõ 105 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

▪ Trình độ văn hóa: 10/10

▪ Trình độ chuyên môn : Đại học Thương Mại

▪ Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc

▪ Hành vi vi phạm pháp luật: Không

▪ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

▪ Số cổ phần nắm giữ: 215.440 cổ phần, trong đó:

- Số sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 215.440 cổ phần

▪ Những người có liên quan: Con gái Lê Lan Anh sở hữu cá nhân 500 cổ phần

Ủy viên Hội đồng Quản trị - Bà Nguyễn Thị Bình

▪ Họ và tên: Nguyễn Thị Bình

▪ Giới tính: Nữ

▪ Ngày sinh: 11/7/1956

▪ CMTND: 011141910

▪ Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tập thể T579, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn : Đại học Thương Mại
- Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Giám đốc
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 215.440 cổ phần, trong đó:
 - Số sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 215.440 cổ phần
- Những người có liên quan: Em ruột Nguyễn Lê Hiền sở hữu cá nhân: 16.400 cổ phần

Trưởng Ban Kiểm soát – Bà Lê Quỳnh Trang

- Họ và tên: Lê Quỳnh Trang
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/9/1979
- CMTND: 011887136
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 138 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính kế toán
- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 6.465 cổ phần, trong đó:
 - Số sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 6.465 cổ phần

▪ Những người có liên quan: Không

Ủy viên Ban Kiểm soát – Bà An Thị Ngọc Lan

▪ Họ và tên: An Thị Ngọc Lan

▪ Giới tính: Nữ

▪ Ngày sinh: 20/8/1961

▪ CMTND: 011727049

▪ Quốc tịch: Việt Nam

▪ Dân tộc: Kinh

▪ Địa chỉ thường trú: Phòng 104 chung cư 5 tầng, ngách 95 Thái Thịnh 2, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội

▪ Trình độ văn hóa: 10/10

▪ Trình độ chuyên môn : Đại học Thương Mại

▪ Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát

▪ Hành vi vi phạm pháp luật: Không

▪ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

▪ Số cổ phần nắm giữ: 2.300 cổ phần, trong đó:

▪ Số sở hữu cá nhân: 2.300 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

▪ Những người có liên quan: Không

Ủy viên Ban Kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Phương An

▪ Họ và tên: Nguyễn Thị Phương An

▪ Giới tính: Nữ

▪ Ngày sinh: 21/01/1977

▪ CMTND: 011831814

▪ Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 2 ngõ 357 Bạch Mai, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài chính kế toán
- Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 114.150 cổ phần, trong đó:
 - Số sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 114.150 cổ phần
 - Những người có liên quan: Không

Kế toán trưởng – Bà Đoàn Thị Ngọc Lan

- Họ và tên: Đoàn Thị Ngọc Lan
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 16/02/1958
- CMTND: 011018099
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 31 ngõ 379/7 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 2.400 cổ phần, trong đó:
 - Số sở hữu cá nhân: 2.400 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

▪ Những người có liên quan: Không

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm Không

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc : Tiền lương của ban giám đốc được chi theo quy chế tiền lương của công ty , tiền thưởng là một phần trong 2.7% Lợi nhuận sau thuế của ban quản lý điều hành do Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 thông qua.

- Số lượng cán bộ, nhân viên : 186 lao động

- Thu nhập bình quân của cán bộ, nhân viên trong năm 2010 là : 55 triệu đồng/người/năm

- Chính sách đối với người lao động :Tất cả cán bộ, nhân viên trong công ty đều được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành, ngoài ra tùy theo công việc đảm nhận nhân viên bán xăng dầu còn được nhận thêm bồi dưỡng độc hại hàng tháng bằng hiện vật, được hưởng trang phục công tác, ngoài ra cán bộ, nhân viên còn được đi tham quan, nghỉ mát mỗi năm một lần bằng quỹ phúc lợi. .

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng : Không

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...)

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành. Giá trị các khoản thù lao và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể.

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty : Không

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên : Không

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : Không

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.:Không

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước :Tổng công ty Vận tải Hà Nội góp vốn 1 077 200 CPhiếu chiếm 51.3% vốn điều lệ

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên; Địa chỉ liên lạc; Ngành nghề kinh doanh; số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty.

+ Công ty Xăng dầu khu vực I :Góp 315 000 CPhiếu chiếm 15% vốn điều lệ

+ Shell Overseas Investment B.V : góp 114 150 CPhiếu chiếm 5.4% vốn điều lệ

+ VOF Investment limited : góp 136 300CPhiếu chiếm 6.5% vốn điều lệ

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/tỷ lệ vốn góp.

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp.

GIẾM ĐỐC